

BỘ TƯ PHÁP
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ
TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG
LẦN THỨ TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1860**/BTP-HĐKT
V/v tổ chức Đợt 2 kỳ kiểm tra kết quả tập sự
hành nghề công chứng lần thứ tư

Hà Nội, ngày **08** tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
có thí sinh thuộc Danh sách tham dự Đợt 2 của kỳ kiểm tra

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư được phê duyệt theo Quyết định số 478/QĐ-BTP ngày 26/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Hội đồng kiểm tra thông báo về việc tổ chức Đợt 2 của kỳ kiểm tra như sau:

1. Thời gian, địa điểm tổ chức kỳ kiểm tra

- Thời gian: Từ ngày 26 đến ngày 28/6/2022.

+ Chiều 26/6/2022: Tổ chức khai mạc kỳ kiểm tra, thông báo thời gian thi cụ thể và quán triệt Nội quy kỳ kiểm tra cho toàn bộ thí sinh, các Ban của Hội đồng kiểm tra (thí sinh và thành viên các Ban có mặt tại địa điểm thi lúc 13h30', khai mạc bắt đầu lúc 14h00').

+ Sáng 27/6/2022: Toàn bộ thí sinh làm bài kiểm tra viết.

+ Chiều 27/6 và ngày 28/6/2022: Thí sinh làm bài kiểm tra vấn đáp theo danh sách của từng buổi thi được công bố vào ngày khai mạc kỳ kiểm tra.

- Địa điểm: Học viện Tư pháp, số 9 Trần Vĩ, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.

2. Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự Đợt 2 của kỳ kiểm tra đã được công bố theo Công văn số 963/BTP-HĐKT ngày 02/4/2021 và Công văn số 1158/BTP-HĐKT ngày 19/4/2021 của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư và được gửi kèm theo Công văn này.

Thí sinh tham dự Đợt 2 của kỳ kiểm tra phải tuân thủ các quy định về phòng dịch Covid-19 theo yêu cầu của Bộ Y tế và tự túc chi phí đi lại, ăn ở trong thời gian tham dự kiểm tra. Trong trường hợp có nhu cầu thuê phòng ký túc xá của Học viện Tư pháp trong thời gian tham dự kỳ kiểm tra, đề nghị thí sinh liên hệ với Phòng Quản trị của Học viện (đồng chí Huyền, số di động 0832582714 hoặc số máy bàn 024. 62873428 (máy lẻ 224 hoặc 232)).

(Các hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra Bộ Tư pháp nhận được sau ngày 19/4/2021 là ngày chốt Danh sách người đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra lần thứ tư sẽ được Hội đồng kiểm tra xem xét, quyết định trong kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm).

3. Nội quy kỳ kiểm tra, Hướng dẫn một số nội dung ôn tập được gửi kèm theo Công văn này.

Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư đề nghị Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thí sinh thuộc Danh sách tham dự Đợt 2 của kỳ kiểm tra thông báo đầy đủ, kịp thời các nội dung của Công văn này và các tài liệu có liên quan cho những người có tên trong Danh sách để chuẩn bị cho việc tham gia kỳ kiểm tra.

- Thông tin liên quan đến việc tổ chức Đợt 2 của kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư được thông báo trên trang Bỏ trợ tư pháp của Cổng thông tin Bộ Tư pháp: www.moj.gov.vn/bttp.

- Trong trường hợp cần biết thêm thông tin chi tiết, đề nghị liên hệ với Phòng Quản lý công chứng, thừa phát lại, Cục Bỏ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp theo số điện thoại 024.62739512 hoặc 024.62739508.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phan Chí Hiếu, Chủ tịch HĐKT (để b/c);
- Các thành viên HĐKT;
- Hiệp hội công chứng viên Việt Nam;
- Học viện Tư pháp (để p/h);
- Cổng thông tin Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, BTPP.

**TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



**CỤC TRƯỞNG CỤC BỎ TRỢ TƯ PHÁP
Lê Xuân Hồng**

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ ĐỢT 2 KỲ KIỂM TRA
KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG LẦN THỨ TƯ**
(*Khu vực phía Bắc*)

(Kèm theo Công văn số: **1860** /BTP-HĐKT ngày **08** tháng 6 năm 2022 của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư

I. Danh sách 562 người đủ điều kiện theo Công văn số 963/BTP-HĐKT ngày 02/4/2021 và Công văn số 1158/BTP-HĐKT ngày 19/4/2021 (02 trường hợp có Đơn xin hoãn thi từ năm 2021 không có tên trong Danh sách này)

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1.	Trương Công	Hữu	13/8/1992		Bắc Giang	
2.	Vũ Văn	Lân	08/3/1959		Bắc Giang	
3.	Trần Mạnh	Ninh	29/5/1984		Bắc Giang	
4.	Nguyễn Bá	Ngọc	19/7/1965		Bắc Giang	
5.	Dương Văn	Sắc	02/10/1960		Bắc Giang	
6.	Nguyễn Thị	Tiến		18/12/1966	Bắc Giang	
7.	Nguyễn Văn	Tuân	06/9/1960		Bắc Giang	
8.	Nguyễn Anh	Tuân	02/6/1978		Bắc Giang	
9.	Dương Khánh	Duy	08/3/1985		Bắc Kạn	
10.	Mai Huyền	Trang		14/12/1990	Bắc Kạn	
11.	Phạm Đình	Cận	29/01/1973		Bắc Ninh	
12.	Nguyễn Quốc	Dũng	22/10/1987		Bắc Ninh	
13.	Nguyễn Hữu	Hà	28/3/1993		Bắc Ninh	
14.	Nguyễn Thị	Loan		19/6/1993	Bắc Ninh	
15.	Đào Thị	Nguyệt		21/6/1991	Bắc Ninh	
16.	Nguyễn Thị	Phương		15/9/1993	Bắc Ninh	
17.	Nguyễn Thị	Thảo		10/02/1983	Bắc Ninh	
18.	Cao Văn	Thuận	09/01/1989		Bắc Ninh	
19.	Nguyễn Thị	Thùy		30/10/1991	Bắc Ninh	
20.	Nguyễn Thị Bích	Hạnh		20/10/1978	Bắc Ninh	
21.	Lê Thị Thu	Hường		31/7/1987	Cao Bằng	
22.	Nguyễn Thị	Anh		15/01/1993	Điện Biên	
23.	Phạm Thị	Hiền		28/12/1989	Điện Biên	
24.	Nguyễn Thị Thanh	Hương		09/9/1976	Điện Biên	
25.	Nguyễn Đặng Bảo	Linh		18/11/1975	Điện Biên	
26.	Nông Thị	Dần		14/12/1961	Hà Giang	
27.	Trịnh Tiến	Khoa	20/01/1960		Hà Giang	



STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Ghi chú
			Nam	Nữ		
28.	Nguyễn Thanh	Thảo		29/8/1994	Hà Giang	
29.	Viên Thị	Vân		17/11/1962	Hà Giang	
30.	Trần Văn	Bằng	24/3/1983		Hà Nam	
31.	Chu Thị	Cúc		28/02/1984	Hà Nam	
32.	Ngô Thị Thùy	Dương		12/7/1996	Hà Nam	
33.	Nhiếp Thị	Hải		02/5/1991	Hà Nam	
34.	Phạm Văn	Hưng	16/02/1976		Hà Nam	
35.	Ngô Đức	Mậu	12/4/1987		Hà Nam	
36.	Ngô Hoàng	Minh	03/4/1985		Hà Nam	
37.	Hà Thị Hồng	Nhâm		05/4/1983	Hà Nam	
38.	Nguyễn Tiến	Quỳnh	05/5/1983		Hà Nam	
39.	Trần Minh	Tân	16/12/1986		Hà Nam	
40.	Nguyễn Văn	Tuấn	07/01/1985		Hà Nam	
41.	Trần Thị	Yến		20/4/1988	Hà Nam	
42.	Nguyễn Tiến	An	08/3/1991		Hà Nội	
43.	Đào Thúy	An		25/01/1990	Hà Nội	
44.	Bùi Thị Kim	Anh		26/12/1990	Hà Nội	
45.	Trần Hoàng	Anh	11/8/1982		Hà Nội	
46.	Nguyễn Phương	Anh		01/5/1994	Hà Nội	
47.	Dương Thế	Anh	16/3/1977		Hà Nội	
48.	Ngô Phương	Anh		12/10/1992	Hà Nội	
49.	Lê Ngọc	Anh		26/8/1991	Hà Nội	
50.	Bùi Phương	Anh		16/01/1995	Hà Nội	
51.	Lê Thế	Anh	12/8/1991		Hà Nội	
52.	Từ Thị Quỳnh	Anh		24/01/1979	Hà Nội	
53.	Đoàn Thị	Anh		12/7/1988	Hà Nội	
54.	Lương Thị Trung	Anh		09/11/1994	Hà Nội	
55.	Tô Ngọc	Ánh		31/12/1988	Hà Nội	
56.	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh		04/10/1990	Hà Nội	
57.	Dương Thị Nguyệt	Ánh		06/10/1986	Hà Nội	
58.	Đào Thị	Bích		15/10/1989	Hà Nội	
59.	Ngô Thị Ngọc	Bích		18/10/1964	Hà Nội	
60.	Nguyễn Văn	Bình	12/9/1955		Hà Nội	
61.	Trương Thị	Bình		11/01/1966	Hà Nội	
62.	Trần Thanh	Bình	24/4/1973		Hà Nội	
63.	Tô Thị	Bình		26/7/1977	Hà Nội	
64.	Bùi Xuân	Bính	11/9/1976		Hà Nội	
65.	Nguyễn Văn	Cảnh	09/6/1976		Hà Nội	
66.	Lê Xuân	Cần	23/3/1991		Hà Nội	
67.	Nguyễn Thị Kim	Cúc		05/5/1960	Hà Nội	
68.	Đỗ Hoàng	Cường	16/11/1986		Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Ghi chú
			Nam	Nữ		
69.	Nguyễn Nghĩa	Cường	22/4/1975		Hà Nội	
70.	Nguyễn Thị Minh	Châu		27/5/1978	Hà Nội	
71.	Phạm Minh	Chi		29/3/1990	Hà Nội	
72.	Lê Thị Lệ	Chi		07/8/1966	Hà Nội	
73.	Trần Thị	Chiên		04/01/1989	Hà Nội	
74.	Đình Anh	Chiến	14/8/1979		Hà Nội	
75.	Nguyễn Thị	Chúc		02/02/1995	Hà Nội	
76.	Vũ Thị	Chung		10/3/1960	Hà Nội	
77.	Trịnh Xuân	Chuyên	08/02/1955		Hà Nội	
78.	Hoàng Mai	Dung		22/01/1993	Hà Nội	
79.	Lưu Thị Thùy	Dung		20/8/1980	Hà Nội	
80.	Vũ Thị	Dung		20/7/1988	Hà Nội	
81.	Nguyễn Thị Lê	Dung		05/10/1987	Hà Nội	
82.	Lê Văn	Dũng	11/01/1992		Hà Nội	
83.	Hoàng Duy	Dũng	16/10/1983		Hà Nội	
84.	Nguyễn Anh	Dũng	24/02/1989		Hà Nội	
85.	Nguyễn Văn	Dũng	28/02/1992		Hà Nội	
86.	Nguyễn Thị	Duyên		03/11/1993	Hà Nội	
87.	Phạm Xuân	Dương	12/9/1975		Hà Nội	
88.	Nguyễn Anh	Đào		28/02/1977	Hà Nội	
89.	Nguyễn Xuân	Đạt	03/7/1988		Hà Nội	
90.	Nguyễn Hải	Đặng	01/3/1970		Hà Nội	
91.	Vũ Thị Hồng	Diệp		22/7/1990	Hà Nội	
92.	Trần Hoàng	Diệp		11/4/1988	Hà Nội	
93.	Hà Anh	Đức	02/12/1981		Hà Nội	
94.	Nguyễn Hữu	Đức	02/01/1991		Hà Nội	
95.	Phạm Hồng	Giang	11/4/1973		Hà Nội	
96.	Quách Mạnh	Hà	24/6/1991		Hà Nội	
97.	Nguyễn Thị Ngọc	Hà		11/10/1986	Hà Nội	
98.	Nguyễn Việt	Hà	04/7/1975		Hà Nội	
99.	Nguyễn Sơn	Hải	18/4/1977		Hà Nội	
100.	Nguyễn Anh	Hải	01/02/1990		Hà Nội	
101.	Trần Đăng	Hải	08/02/1958		Hà Nội	
102.	Hoàng Thị Hồng	Hạnh		16/10/1984	Hà Nội	
103.	Trần Thị	Hằng		09/9/1989	Hà Nội	
104.	Đỗ Diệu	Hằng		23/12/1988	Hà Nội	
105.	Phạm Thu	Hằng		29/8/1973	Hà Nội	
106.	Nguyễn Thị Phương	Hằng		28/02/1995	Hà Nội	
107.	Bùi Thị	Hằng		19/9/1992	Hà Nội	
108.	Nguyễn Thị	Hân		31/3/1992	Hà Nội	
109.	Ngô Thị	Hậu		05/8/1989	Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Ghi chú
			Nam	Nữ		
110.	Phùng Thị Thanh	Hiền		10/12/1967	Hà Nội	
111.	Phạm Như	Hiền		05/4/1960	Hà Nội	
112.	Vũ Thị	Hiền		01/10/1992	Hà Nội	
113.	Hà Mạnh	Hiếu	25/12/1995		Hà Nội	
114.	Nguyễn Thị Nguyệt	Hoa		25/6/1978	Hà Nội	
115.	Phạm Thị	Hoa		14/6/1975	Hà Nội	
116.	Lâm Hữu	Hòa	01/3/1956		Hà Nội	
117.	Nguyễn Văn	Hòa	30/6/1962		Hà Nội	
118.	Nguyễn Thị	Hòa		27/10/1991	Hà Nội	
119.	Đỗ Thị	Hòa		16/11/1990	Hà Nội	
120.	Đào Duy	Hoan	10/12/1960		Hà Nội	
121.	Đoàn Thị	Hồng		27/11/1982	Hà Nội	
122.	Nguyễn Văn	Hồng	15/02/1960		Hà Nội	
123.	Trần Thị Thu	Hồng		20/5/1993	Hà Nội	
124.	Nguyễn Văn	Hợp	02/3/1960		Hà Nội	
125.	Bùi Thị	Huế		15/9/1993	Hà Nội	
126.	Bùi Thị	Huế		25/3/1991	Hà Nội	
127.	Hồ Thị	Huệ		14/9/1989	Hà Nội	
128.	Nguyễn Xuân	Hùng	27/8/1987		Hà Nội	
129.	Nguyễn Đỗ	Hùng	01/11/1975		Hà Nội	
130.	Nguyễn Phi	Hùng	10/5/1964		Hà Nội	
131.	Nguyễn Mạnh	Hùng	26/7/1975		Hà Nội	
132.	Nguyễn Quang	Huy	24/01/1981		Hà Nội	
133.	Phạm Thị	Huyền		11/4/1974	Hà Nội	
134.	Nguyễn Văn	Huyền	08/7/1982		Hà Nội	
135.	Trịnh Thúy	Huyền		16/5/1985	Hà Nội	
136.	Nguyễn Thị Hương	Huyền		28/12/1986	Hà Nội	
137.	Nguyễn Duy	Hưng	31/12/1981		Hà Nội	
138.	Nguyễn Quang	Hưng	26/10/1977		Hà Nội	
139.	Trần Văn	Hưng	14/3/1985		Hà Nội	
140.	Đỗ Thị Xuân	Hương		28/10/1981	Hà Nội	
141.	Bạch Thị	Hương		07/8/1974	Hà Nội	
142.	Nguyễn Thị Lan	Hương		04/6/1978	Hà Nội	
143.	Hồ Xuân	Hương		26/12/1964	Hà Nội	
144.	Lê Thị Xuân	Hương		06/12/1993	Hà Nội	
145.	Nguyễn Thị	Hường		03/5/1964	Hà Nội	
146.	Nguyễn Thị	Hường		14/4/1981	Hà Nội	
147.	Ngô Thị	Hường		10/01/1979	Hà Nội	
148.	Hoàng Thị	Hường		04/9/1988	Hà Nội	
149.	Đoàn Thị	Hường		26/11/1979	Hà Nội	
150.	Nguyễn Đức	Kiên	05/10/1976		Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Ghi chú
			Nam	Nữ		
151.	Nguyễn Bình	Khang	26/02/1959		Hà Nội	
152.	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh		02/9/1992	Hà Nội	
153.	Lưu Văn	Khuê	19/02/1971		Hà Nội	
154.	Lưu Thị	Lan		31/01/1994	Hà Nội	
155.	Nguyễn Thị	Lan		24/8/1994	Hà Nội	
156.	Lương Thị	Lanh		05/11/1964	Hà Nội	
157.	Nguyễn Quang	Lâm	20/9/1959		Hà Nội	
158.	Nghiêm Mạnh	Lân	24/4/1961		Hà Nội	
159.	Quách Thị	Len		26/6/1982	Hà Nội	
160.	Trương Phương	Liên		21/8/1976	Hà Nội	
161.	Quách Thùy	Linh		05/11/1994	Hà Nội	
162.	Lưu Thị Bích	Loan		27/8/1957	Hà Nội	
163.	Vũ Thị Minh	Loan		16/01/1977	Hà Nội	
164.	Phạm Nam	Long	17/7/1991		Hà Nội	
165.	Nguyễn Thành	Long	24/3/1988		Hà Nội	
166.	Hoa Hữu	Long	04/10/1954		Hà Nội	
167.	Kiều Xuân	Long	19/9/1976		Hà Nội	
168.	Vũ Xuân	Long	24/9/1956		Hà Nội	
169.	Lê Thị	Lợi		05/01/1989	Hà Nội	
170.	Đỗ Thị	Luyến		05/3/1984	Hà Nội	
171.	Phạm Quang	Lực	01/10/1953		Hà Nội	
172.	Lê Thị	Ly		23/01/1994	Hà Nội	
173.	Nguyễn Thị	Ly		12/02/1991	Hà Nội	
174.	Hoàng Thị Quỳnh	Mai		21/02/1987	Hà Nội	
175.	Nguyễn Tiến	Mạnh	10/01/1986		Hà Nội	
176.	Tô Xuân	Mão	06/6/1981		Hà Nội	
177.	Đình Thúc	Miên		15/8/1991	Hà Nội	
178.	Phạm Công	Minh	27/10/1991		Hà Nội	
179.	Lê Thị Nhật	Minh		31/12/1993	Hà Nội	
180.	Lê Thị Hồng	Minh		23/6/1993	Hà Nội	
181.	Đình Quang	Minh	04/02/1993		Hà Nội	
182.	Cao Thị Trà	Mơ		05/9/1985	Hà Nội	
183.	Đoàn Tiến	Nam	04/8/1976		Hà Nội	
184.	Nguyễn Văn	Nam	05/8/1994		Hà Nội	
185.	Đường Văn	Năm	10/02/1990		Hà Nội	
186.	Nguyễn Thị	Nga		12/3/1964	Hà Nội	
187.	Bùi Thanh	Ngà		27/9/1960	Hà Nội	
188.	Nguyễn Thị	Ngân		03/7/1989	Hà Nội	
189.	Nguyễn Thị Phương	Ngân		10/4/1988	Hà Nội	
190.	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		04/8/1983	Hà Nội	
191.	Nguyễn Minh	Ngọc	02/9/1964		Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Ghi chú
			Nam	Nữ		
192.	Phan Thị Ánh	Nguyệt		09/8/1992	Hà Nội	
193.	Nguyễn Như	Nguyệt		23/01/1979	Hà Nội	
194.	Trần Thị	Nhàn		20/10/1989	Hà Nội	
195.	Phạm Thị	Nhanh		30/11/1964	Hà Nội	
196.	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung		14/4/1979	Hà Nội	
197.	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung		07/7/1991	Hà Nội	
198.	Ngọc Thị Tuyết	Nhung		07/7/1979	Hà Nội	
199.	Nguyễn Văn	Phát	03/7/1991		Hà Nội	
200.	Trần Mậu	Phúc	25/6/1988		Hà Nội	
201.	Lê Mai	Phuong		24/02/1995	Hà Nội	
202.	Nguyễn Thị	Phượng		21/4/1984	Hà Nội	
203.	Nguyễn Thị	Phượng		29/11/1975	Hà Nội	
204.	Vũ Thị	Phượng		24/11/1971	Hà Nội	
205.	Nguyễn Trọng	Quân	03/6/1987		Hà Nội	
206.	Phạm Hồng	Quân	03/9/1994		Hà Nội	
207.	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		18/01/1992	Hà Nội	
208.	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		02/4/1993	Hà Nội	
209.	Trịnh Lê Ngọc	Quỳnh		27/11/1965	Hà Nội	
210.	Lại Thúy	Quỳnh		18/4/1991	Hà Nội	
211.	Nguyễn Thị	Quỳnh		14/11/1995	Hà Nội	
212.	Lương Hồng	Sinh	04/6/1960		Hà Nội	
213.	Đặng Hữu	Sơn	01/12/1981		Hà Nội	
214.	Bùi Ngọc	Sơn	25/01/1971		Hà Nội	
215.	Nguyễn Văn	Sơn	12/12/1958		Hà Nội	
216.	Lương Minh	Sơn	11/10/1971		Hà Nội	
217.	Lê Thành	Sơn	25/5/1976		Hà Nội	
218.	Nguyễn Văn	Tài	23/3/1982		Hà Nội	
219.	Lê Thị Thanh	Tâm		10/12/1994	Hà Nội	
220.	Nguyễn Minh	Tân	20/10/1975		Hà Nội	
221.	Hoàng Quang	Tiến	11/12/1978		Hà Nội	
222.	Đỗ Hoàng Mai	Tiến	05/3/1982		Hà Nội	
223.	Nguyễn Mạnh	Tiếp	14/9/1993		Hà Nội	
224.	Nguyễn Ngọc	Toàn	29/6/1975		Hà Nội	
225.	Nguyễn Thị	Toán		01/02/1991	Hà Nội	
226.	Nguyễn Anh	Tú	13/3/1983		Hà Nội	
227.	Đỗ Xuân	Tuân	21/5/1974		Hà Nội	
228.	Vũ Khắc	Tuấn	30/4/1991		Hà Nội	
229.	Nguyễn Thanh	Tuấn	20/10/1984		Hà Nội	
230.	Lê Khắc	Tuấn	09/10/1987		Hà Nội	
231.	Nguyễn Văn	Tung	01/6/1958		Hà Nội	
232.	Lưu Việt	Tùng	08/02/1987		Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Ghi chú
			Nam	Nữ		
233.	Luong Thanh	Tùng	02/01/1983		Hà Nội	
234.	Vũ Mai	Tuyết		26/10/1991	Hà Nội	
235.	Đỗ Thị Ngọc	Tuyết		02/01/1959	Hà Nội	
236.	Trịnh Văn	Từ	03/8/1989		Hà Nội	
237.	Trần Thị	Thạch		26/02/1990	Hà Nội	
238.	Phạm Hồng	Thái		28/02/1984	Hà Nội	
239.	Phan Thị	Thanh		23/9/1980	Hà Nội	
240.	Lê Thị Phương	Thanh		28/10/1992	Hà Nội	
241.	Hoàng Thị Kim	Thanh		12/02/1992	Hà Nội	
242.	Nguyễn Tuyết	Thanh		04/5/1992	Hà Nội	
243.	Nguyễn Thị Huyền	Thanh		15/10/1990	Hà Nội	
244.	Nguyễn Văn	Thao	10/10/1981		Hà Nội	
245.	Nguyễn Thị	Thảo		10/10/1973	Hà Nội	
246.	La Thị	Thảo		07/3/1993	Hà Nội	
247.	Tạ Thị Thu	Thảo		24/9/1995	Hà Nội	
248.	Vũ Thị	Thảo		27/9/1991	Hà Nội	
249.	Bùi Thị	Thảo		02/3/1994	Hà Nội	
250.	Nguyễn Đăng	Thắng	17/6/1991		Hà Nội	
251.	Mai Văn	Thìn	20/7/1987		Hà Nội	
252.	Ngô Tiến	Thịnh	02/01/1990		Hà Nội	
253.	Nguyễn Thị	Thơ		14/4/1987	Hà Nội	
254.	Trịnh Thị	Thơ		07/3/1989	Hà Nội	
255.	Phan Thị Hoài	Thu		02/8/1993	Hà Nội	
256.	Nguyễn Thị	Thùy		07/3/1994	Hà Nội	
257.	Nguyễn Thị	Thủy		13/4/1985	Hà Nội	
258.	Đinh Thu	Thủy		05/02/1993	Hà Nội	
259.	Nguyễn Thị	Thủy		28/02/1985	Hà Nội	
260.	Dương Trung	Thủy	17/8/1957		Hà Nội	
261.	Nguyễn Thị Thu	Thủy		20/8/1978	Hà Nội	
262.	Thân Thị Thanh	Thủy		27/12/1980	Hà Nội	
263.	Lê Bích	Thủy		18/8/1986	Hà Nội	
264.	Nguyễn Thị	Thường		01/6/1984	Hà Nội	
265.	Lê Thị	Trà		28/6/1991	Hà Nội	
266.	Nguyễn Thị	Trang		03/7/1994	Hà Nội	
267.	Ninh Thị	Trang		20/9/1989	Hà Nội	
268.	Phan Thị Huyền	Trang		13/10/1994	Hà Nội	
269.	Trần Thị Thu	Trang		15/8/1992	Hà Nội	
270.	Nguyễn Đức	Trọng	20/8/1957		Hà Nội	
271.	Lê Đức	Trung	14/02/1989		Hà Nội	
272.	Nguyễn Hiếu	Trung	25/3/1976		Hà Nội	
273.	Hà Mạnh	Trung	05/8/1991		Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Ghi chú
			Nam	Nữ		
274.	Nguyễn Ngọc	Trường	01/10/1990		Hà Nội	
275.	Trần Thị	Uyên		20/3/1992	Hà Nội	
276.	Phạm Thị	Vải		14/8/1962	Hà Nội	
277.	Đặng Thanh	Vũ	09/12/1992		Hà Nội	
278.	Bùi Thị Hương	Xuân		31/01/1986	Hà Nội	
279.	Trương Xuân	Trịnh	20/10/1959		Hà Nội	
280.	Ngô Cao	Quân	01/8/1961		Hà Nội	
281.	Trần Văn	Liêm	25/6/1984		Hà Nội	
282.	Phạm Thị Thanh	Thủy		30/6/1969	Hà Nội	
283.	Phạm Cao	Cường	26/12/1986		Hà Tĩnh	
284.	Lê Việt	Dũng	10/5/1982		Hà Tĩnh	
285.	Phạm Văn	Giang	23/8/1987		Hà Tĩnh	
286.	Phạm Bá	Quát	01/01/1982		Hà Tĩnh	
287.	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	05/11/1969		Hà Tĩnh	
288.	Bạch Quang	Thành	15/6/1990		Hà Tĩnh	
289.	Lưu Thị	Anh		13/10/1994	Hải Dương	
290.	Nguyễn Quốc	Cảnh	07/01/1959		Hải Dương	
291.	Phạm Thị Thu	Cúc		13/3/1995	Hải Dương	
292.	Trần Thị	Duyên		08/12/1985	Hải Dương	
293.	Tiêu Hà	Dương	23/10/1959		Hải Dương	
294.	Vương Thị Hồng	Huệ		28/6/1989	Hải Dương	
295.	Lê Xuân	La	29/3/1959		Hải Dương	
296.	Trần Thị	Ly		15/3/1992	Hải Dương	
297.	Trần Ngọc	Minh	05/6/1959		Hải Dương	
298.	Nguyễn Thị	Phương		21/11/1994	Hải Dương	
299.	Ninh Thị	Phượng		02/9/1991	Hải Dương	
300.	Bùi Thị	Sen		24/7/1977	Hải Dương	
301.	Nguyễn Văn	Tảo	27/3/1958		Hải Dương	
302.	Phạm Thị	Tâm		04/11/1984	Hải Dương	
303.	Phạm Văn	Tỏ	06/6/1958		Hải Dương	
304.	Ngô Thị	Thơm		10/12/1959	Hải Dương	
305.	Nguyễn Thị	Thu		01/7/1980	Hải Dương	
306.	Nguyễn Thị	Thu		08/01/1987	Hải Dương	
307.	Lê Thị Thanh	Thủy		20/3/1964	Hải Dương	
308.	Đoàn Thị Thu	Thủy		03/12/1992	Hải Dương	
309.	Trần Thị	Thúy		09/02/1987	Hải Dương	
310.	Lê Thị Tường	Vân		08/5/1983	Hải Dương	
311.	Phạm Tiến	Cờm	10/02/1981		Hải Phòng	
312.	Nguyễn Thị Hương	Chi		08/01/1989	Hải Phòng	
313.	Trịnh Khắc	Chung	05/11/1975		Hải Phòng	
314.	Ninh Văn	Chuyên	12/4/1984		Hải Phòng	

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Ghi chú
			Nam	Nữ		
315.	Lưu Thị Ngọc	Dung		04/6/1983	Hải Phòng	
316.	Nguyễn Quang	Duy	08/4/1982		Hải Phòng	
317.	Hoàng Trung	Dương	10/7/1967		Hải Phòng	
318.	Tăng Bá	Giang	20/02/1982		Hải Phòng	
319.	Vũ Huy	Hạnh	14/8/1982		Hải Phòng	
320.	Phạm Thị Ngọc	Hân		10/9/1991	Hải Phòng	
321.	Trần Thị	Hiền		30/10/1993	Hải Phòng	
322.	Phạm Thị Thanh	Hoa		04/7/1982	Hải Phòng	
323.	Hoàng Thị Thanh	Huyền		03/12/1981	Hải Phòng	
324.	Bùi Thị Thanh	Hương		07/6/1987	Hải Phòng	
325.	Hoàng Thế	Khanh	14/01/1986		Hải Phòng	
326.	Cô Thị Ngọc	Linh		17/4/1992	Hải Phòng	
327.	Mai Thị	Loan		22/5/1990	Hải Phòng	
328.	Ngô Minh	Ngọc	03/10/1989		Hải Phòng	
329.	Bùi Thị Thủy	Tiên		29/01/1995	Hải Phòng	
330.	Nguyễn Mạnh	Toàn	27/9/1971		Hải Phòng	
331.	Nguyễn Ngọc	Tuấn	26/8/1980		Hải Phòng	
332.	Bùi Thị	Thanh		09/7/1964	Hải Phòng	
333.	Bạch Hương	Trà		26/11/1981	Hải Phòng	
334.	Đinh Thị Thu	Trang		10/10/1993	Hải Phòng	
335.	Vũ Hữu	Văn	20/01/1961		Hải Phòng	
336.	Nguyễn Thúy	Vân		26/6/1964	Hải Phòng	
337.	Nguyễn Khắc	Viên	28/01/1959		Hải Phòng	
338.	Nguyễn Thị Hải	Yến		12/10/1982	Hải Phòng	
339.	Cao Thị Hải	Yến		19/6/1987	Hải Phòng	
340.	Lê Thị	Đào		28/10/1963	Hòa Bình	
341.	Đinh Mạnh	Hùng	18/10/1962		Hòa Bình	
342.	Nguyễn Thị	Huyền		25/12/1992	Hòa Bình	
343.	Lỗ Tiên	Hung	01/8/1958		Hòa Bình	
344.	Nguyễn Thị Thu	Hương		24/01/1988	Hòa Bình	
345.	Lê Thị Quỳnh	Mai		11/7/1988	Hòa Bình	
346.	Nguyễn Thanh	Son	20/10/1957		Hòa Bình	
347.	Hoàng Diệu	Tuấn	30/10/1972		Hòa Bình	
348.	Trần Tuấn	Anh	29/01/1974		Hung Yên	
349.	Hoàng Ngọc	Dương	25/11/1986		Hung Yên	
350.	Trần Thị	Hiếu		09/11/1985	Hung Yên	
351.	Trần Thị	Huyền		22/7/1984	Hung Yên	
352.	Nguyễn Diệu	Linh		03/10/1989	Hung Yên	
353.	Ninh Khánh	Ly		03/11/1993	Hung Yên	
354.	Lê Trọng	Trưởng	11/01/1992		Hung Yên	
355.	Nguyễn Thị Lệ	Quyên		30/3/1983	Lai Châu	

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Ghi chú
			Nam	Nữ		
356.	Nguyễn Duy	Trung	01/9/1992		Lai Châu	
357.	Ngô Thị Ngọc	Hà		22/4/1982	Lạng Sơn	
358.	Trần Thị	Liên		02/5/1963	Lạng Sơn	
359.	Ngô Thu	Ngà		07/02/1982	Lạng Sơn	
360.	Hà Thị Thu	Thủy		04/6/1991	Lạng Sơn	
361.	Nguyễn Kim	Vân		06/7/1961	Lạng Sơn	
362.	Phan Tiên	Hải	12/11/1962		Lào Cai	
363.	Nguyễn Hữu	Hiển	26/9/1979		Lào Cai	
364.	Đoàn Thanh	Hung	19/5/1962		Lào Cai	
365.	Đặng Quốc	Bình	16/11/1978		Nam Định	
366.	Nguyễn Thị Kim	Dung		22/11/1963	Nam Định	
367.	Nguyễn Thị	Đào		25/02/1964	Nam Định	
368.	Triệu Quang	Đỉnh	25/11/1961		Nam Định	
369.	Đoàn Ngọc	Hà	23/6/1956		Nam Định	
370.	Nguyễn Thanh	Hà		14/7/1993	Nam Định	
371.	Phạm Trung	Kết	04/10/1957		Nam Định	
372.	Trần Khánh	Lưu	07/6/1981		Nam Định	
373.	Lưu Thị	Nga		18/5/1965	Nam Định	
374.	Nguyễn Thế	Phương	11/02/1984		Nam Định	
375.	Vũ Huy	Tuấn	03/12/1993		Nam Định	
376.	Trần Quỳnh	Trang		09/7/1987	Nam Định	
377.	Nguyễn Thanh	Vân		16/8/1988	Nam Định	
378.	Doãn Hoàng	Vũ	10/11/1989		Nam Định	
379.	Võ Tuấn	Anh	06/11/1991		Nghệ An	
380.	Võ Thị Hương	Anh		17/8/1992	Nghệ An	
381.	Trịnh Thị	Châu		13/10/1987	Nghệ An	
382.	Phan Mai	Chi ¹		06/02/1987	Nghệ An	
383.	Nguyễn Thị	Hậu		27/10/1990	Nghệ An	
384.	Phan Thị	Hiếu		20/10/1991	Nghệ An	
385.	Nguyễn Đình	Hồng	02/9/1958		Nghệ An	
386.	Phạm Văn	Hồng	11/11/1990		Nghệ An	
387.	Nguyễn Đình	Hồng	08/11/1977		Nghệ An	
388.	Nguyễn Ngọc	Hùng	09/02/1985		Nghệ An	
389.	Hoàng Mạnh	Hùng	28/3/1958		Nghệ An	
390.	Nguyễn Thị	Hương		18/7/1961	Nghệ An	
391.	Nguyễn Văn	Lọc	23/8/1958		Nghệ An	
392.	Nguyễn Hồng	Nhung		15/8/1989	Nghệ An	
393.	Vũ Thị	Phương		05/5/1980	Nghệ An	
394.	Nguyễn Thị	Thảo		19/8/1988	Nghệ An	

¹ Hoàn từ kỳ 3

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Ghi chú
			Nam	Nữ		
395.	Lê Thị	Thoan		06/6/1992	Nghệ An	
396.	Nguyễn Thị Hồng	Thương		18/02/1986	Nghệ An	
397.	Trần Thị	Trà		06/6/1963	Nghệ An	
398.	Nguyễn Thị Thảo	Trang		16/4/1994	Nghệ An	
399.	Bùi Văn	Tri	06/7/1985		Nghệ An	
400.	Nguyễn Hoàng Phi	Uyển		10/8/1991	Nghệ An	
401.	Lê Hải	Vinh	01/10/1993		Nghệ An	
402.	Nguyễn Tuấn	Vũ	19/4/1993		Nghệ An	
403.	Nguyễn Thị	Hảo		28/10/1988	Ninh Bình	
404.	Đinh Thị Thu	Hiền		02/8/1992	Ninh Bình	
405.	Phạm Thị Đỗ	Quyên		03/02/1991	Ninh Bình	
406.	Trần Nguyên	Cường	10/01/1980		Phú Thọ	
407.	Nguyễn Thị	Dân		01/3/1964	Phú Thọ	
408.	Nguyễn Việt	Hùng	27/8/1982		Phú Thọ	
409.	Nguyễn Tiến	Hung	13/9/1988		Phú Thọ	
410.	Hà Thị Thanh	Hương		17/3/1990	Phú Thọ	
411.	Phan Thị Thanh	Loan		08/6/1992	Phú Thọ	
412.	Trần Quỳnh	Mai		24/12/1990	Phú Thọ	
413.	Dương Thị Minh	Phương		19/12/1981	Phú Thọ	
414.	Hà Công	Quảng	10/5/1987		Phú Thọ	
415.	Chu Văn	Tài	16/6/1993		Phú Thọ	
416.	Trần Ngọc	Tuân	03/6/1984		Phú Thọ	
417.	Lê Thị Thúy	Vân		06/02/1991	Phú Thọ	
418.	Đoàn Thị	Bình		16/01/1962	Quảng Bình	
419.	Phan Đức	Hạnh	19/4/1988		Quảng Bình	
420.	Nguyễn Ngọc Hồng	Kông		18/8/1987	Quảng Bình	
421.	Từ Công Hải	Linh	14/8/1992		Quảng Bình	
422.	Trần Thị	Loan		22/11/1991	Quảng Bình	
423.	Lê Ngọc	Ninh	20/01/1983		Quảng Bình	
424.	Phạm Thị Lâm	Tân		19/5/1990	Quảng Bình	
425.	Hoàng Anh	Tuân	03/02/1978		Quảng Bình	
426.	Trần Quang	Trang	23/01/1983		Quảng Bình	
427.	Hoàng Thị Mộng	Trinh		02/7/1992	Quảng Bình	
428.	Trần Thị Ngọc	Ánh		04/7/1988	Quảng Ninh	
429.	Lương Cao	Dũng	19/7/1990		Quảng Ninh	
430.	Lê Long	Dương	03/7/1988		Quảng Ninh	
431.	Nguyễn Việt	Dương	18/11/1971		Quảng Ninh	
432.	Phạm Kim	Đặng	13/10/1995		Quảng Ninh	
433.	Trần Thị	Hải		18/10/1962	Quảng Ninh	
434.	Vũ Thị Như	Hằng		24/7/1990	Quảng Ninh	
435.	Nguyễn Thị	Hường		11/6/1992	Quảng Ninh	

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Ghi chú
			Nam	Nữ		
436.	Nguyễn Việt	Hỷ	30/01/1965		Quảng Ninh	
437.	Nguyễn Thị	Khánh		04/4/1964	Quảng Ninh	
438.	Lê Minh	Khôi	07/5/1982		Quảng Ninh	
439.	Nguyễn Thị	Lan		12/3/1994	Quảng Ninh	
440.	Nguyễn Thị	Loan		28/12/1981	Quảng Ninh	
441.	Lê Xuân	Lượng	05/12/1957		Quảng Ninh	
442.	Lê Thị	Miễn		20/11/1987	Quảng Ninh	
443.	Phan Ngọc	Núi	02/8/1957		Quảng Ninh	
444.	Lê Thị	Ngân		16/8/1992	Quảng Ninh	
445.	Hoàng Văn	Ngọc	06/12/1990		Quảng Ninh	
446.	Phạm Bích	Phương		11/7/1992	Quảng Ninh	
447.	Phạm Thị	Thùy		08/3/1993	Quảng Ninh	
448.	Lê Thị Phương	Thúy		17/7/1984	Quảng Ninh	
449.	Phạm Thị Phương	Thúy		12/12/1989	Quảng Ninh	
450.	Hà Thu	Trang		09/10/1994	Quảng Ninh	
451.	Tổng Thị Thu	Thủy		08/11/1975	Quảng Ninh	
452.	Hoàng Thị Thùy	Dung		23/5/1993	Quảng Trị	
453.	Nguyễn Duy	Hải	01/11/1984		Quảng Trị	
454.	Trần Thị Mỹ	Hạnh		04/6/1994	Quảng Trị	
455.	Hồ Sỹ	Hảo	27/8/1981		Quảng Trị	
456.	Võ Thị Thùy	Linh		27/5/1981	Quảng Trị	
457.	Lê Tấn	Phong	10/10/1983		Quảng Trị	
458.	Lê Hồng	Sinh	22/11/1958		Quảng Trị	
459.	Lê Thị Phương	Thảo		13/02/1995	Quảng Trị	
460.	Hoàng Văn	Kiên	01/6/1983		Sơn La	
461.	Hoàng Văn	Long	28/4/1964		Sơn La	
462.	Nguyễn Tiến	Lương	26/7/1989		Sơn La	
463.	Phạm Thị Thanh	Bình		01/6/1963	Thái Bình	
464.	Phạm Thị Thu	Cúc		20/9/1963	Thái Bình	
465.	Ngô Thanh	Mai	02/9/1957		Thái Bình	
466.	Đặng Thái	Sơn	20/01/1957		Thái Bình	
467.	Nguyễn Xuân	Sơn	09/3/1960		Thái Bình	
468.	Nguyễn Ngọc	Sơn	16/11/1968		Thái Bình	
469.	Trịnh Thị	Tươi		08/3/1975	Thái Bình	
470.	Phạm Thị Thùy	Dung		26/10/1988	Thái Nguyên	
471.	Đoàn Văn	Đào	29/5/1959		Thái Nguyên	
472.	Dương Quang	Huy	17/11/1984		Thái Nguyên	
473.	Bùi Thùy	Linh		11/10/1981	Thái Nguyên	
474.	Nguyễn Thị	Lương		26/10/1990	Thái Nguyên	
475.	Chu Hoàng	Nam	15/8/1983		Thái Nguyên	
476.	Nguyễn Văn	Quang	22/7/1980		Thái Nguyên	

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Ghi chú
			Nam	Nữ		
477.	Trương Đăng	Quang	14/3/1984		Thái Nguyên	
478.	Nguyễn Văn	Tấn	30/5/1979		Thái Nguyên	
479.	Nguyễn Thị Thu	Thảo		06/11/1994	Thái Nguyên	
480.	Đinh Thị Thanh	Thủy		11/3/1984	Thái Nguyên	
481.	Hà Thị Thu	Trang		20/9/1990	Thái Nguyên	
482.	Phan Văn	Vang	03/7/1958		Thái Nguyên	
483.	Vũ Thị	Xuân		22/02/1987	Thái Nguyên	
484.	Đỗ Thị Bích	Phượng		11/5/1988	Thái Nguyên	
485.	Nguyễn Thành	Thu	09/10/1989		Thái Nguyên	
486.	Trần Đình	Chế	21/3/1958		Thanh Hóa	
487.	Hoàng Thị	Chinh		17/01/1980	Thanh Hóa	
488.	Nguyễn Thị	Diệp		18/5/1994	Thanh Hóa	
489.	Hồ Thị Thùy	Dung		22/11/1991	Thanh Hóa	
490.	Nguyễn Bá	Dũng	07/9/1991		Thanh Hóa	
491.	Đỗ Văn	Hán	30/8/1959		Thanh Hóa	
492.	Nguyễn Thị Thu	Hằng		30/10/1989	Thanh Hóa	
493.	Hoàng Đình	Hiếu	07/01/1991		Thanh Hóa	
494.	Trịnh Thị	Hoan		15/5/1990	Thanh Hóa	
495.	Trần Anh	Hoàng	31/10/1994		Thanh Hóa	
496.	Bùi Thế	Huệ	25/02/1960		Thanh Hóa	
497.	Đặng Văn	Hùng	08/10/1988		Thanh Hóa	
498.	Nguyễn Văn	Hùng	16/6/1974		Thanh Hóa	
499.	Nguyễn Văn	Hùng	02/9/1988		Thanh Hóa	
500.	Nguyễn Thị	Huyền		24/3/1992	Thanh Hóa	
501.	Nguyễn Thị	Hương		24/9/1992	Thanh Hóa	
502.	Trương Thị	Hương		13/7/1992	Thanh Hóa	
503.	Đỗ Thị	Liên		14/5/1990	Thanh Hóa	
504.	Vũ Mạnh	Linh	15/6/1989		Thanh Hóa	
505.	Lê Duy	Long	10/10/1960		Thanh Hóa	
506.	Nguyễn Danh	Lợi	22/12/1956		Thanh Hóa	
507.	Nguyễn Thị	Lý		01/6/1993	Thanh Hóa	
508.	Trịnh Văn	Năm	06/02/1985		Thanh Hóa	
509.	Đào Đức	Ngọc	10/8/1973		Thanh Hóa	
510.	Đỗ Như	Quỳnh		19/6/1993	Thanh Hóa	
511.	Lê Thị	Quỳnh		24/12/1995	Thanh Hóa	
512.	Nguyễn Thị	Tâm		28/02/1991	Thanh Hóa	
513.	Mai Thế	Tiến	05/5/1959		Thanh Hóa	
514.	Lê Như	Tuân	01/01/1988		Thanh Hóa	
515.	Dương Xuân	Tuấn	07/11/1959		Thanh Hóa	
516.	Nguyễn Đăng	Tuấn	28/8/1976		Thanh Hóa	
517.	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết		01/01/1982	Thanh Hóa	



STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Ghi chú
			Nam	Nữ		
518.	Hoàng Thị	Thanh		03/6/1991	Thanh Hóa	
519.	Hoàng Chí	Thành	26/8/1963		Thanh Hóa	
520.	Lê Thanh	Thảo	07/7/1959		Thanh Hóa	
521.	Lê Minh	Thi	26/01/1979		Thanh Hóa	
522.	Nguyễn Văn	Thuận	16/02/1982		Thanh Hóa	
523.	Đỗ Thị	Thúy		17/8/1980	Thanh Hóa	
524.	Bùi Văn	Trường	04/8/1985		Thanh Hóa	
525.	Trần Minh	Văn	24/3/1979		Thanh Hóa	
526.	Lưu Thị	Vân		13/4/1988	Thanh Hóa	
527.	Lê Ngọc	Hiệp	10/10/1960		Thanh Hóa	
528.	Trần Đức	Anh	20/4/1978		TT.Huế	
529.	Ngô Thị Quỳnh	Giao		13/10/1982	TT.Huế	
530.	Ngô Thị Thúy	Hằng		20/10/1980	TT.Huế	
531.	Trần Đình	Hiền	07/7/1988		TT.Huế	
532.	Đỗ Lê Anh	Hiếu	20/12/1988		TT.Huế	
533.	Phạm Thị	Hoài		28/01/1991	TT.Huế	
534.	Nguyễn Trọng	Huỳnh	22/4/1979		TT.Huế	
535.	Nguyễn Thị	Loan		02/02/1989	TT.Huế	
536.	Hoàng Phi	Long	20/10/1992		TT.Huế	
537.	Văn Việt	Mạnh	21/02/1986		TT.Huế	
538.	Đoàn Văn	Nhân	01/01/1983		TT.Huế	
539.	Lê Thị	Nhị		08/11/1962	TT.Huế	
540.	Trần Thị Hồng	Nhung		25/10/1977	TT.Huế	
541.	Hoàng Trọng	Quý	18/3/1991		TT.Huế	
542.	Nguyễn Minh	Thư		03/12/1995	TT.Huế	
543.	Trần Thị Thanh	Xuân		30/12/1986	TT.Huế	
544.	Vũ Quang	Bình	01/7/1993		Tuyên Quang	
545.	Hoàng Thị	Cương		02/6/1993	Tuyên Quang	
546.	Lê Thị Huyền	Trang		17/8/1991	Tuyên Quang	
547.	Phạm Tuấn	Anh	19/4/1987		Vĩnh Phúc	
548.	Nguyễn Đắc	Dũng	03/12/1958		Vĩnh Phúc	
549.	Trần Xuân	Dương	17/8/1988		Vĩnh Phúc	
550.	Phạm Đức	Hậu	15/10/1975		Vĩnh Phúc	
551.	Phạm Khắc	Khuyến	10/5/1975		Vĩnh Phúc	
552.	Nguyễn Thị	Lương		08/02/1994	Vĩnh Phúc	
553.	Chu Thị Xuân	Phương		07/12/1988	Vĩnh Phúc	
554.	Trần Thị Hồng	Thắm		31/5/1983	Vĩnh Phúc	
555.	Nguyễn Quang	Vinh	26/4/1980		Vĩnh Phúc	
556.	Mã Đình	Bây	01/11/1993		Yên Bái	
557.	Nguyễn Cao	Cường	05/3/1979		Yên Bái	
558.	Đậu Đình	Ninh	31/7/1988		Yên Bái	

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Ghi chú
			Nam	Nữ		
559.	Đỗ Trọng	Ngọc	13/6/1993		Yên Bái	
560.	Hoàng Văn	Toàn	09/01/1990		Yên Bái	
561.	Hoàng Minh	Thờ	28/8/1957		Yên Bái	
562.	Lý Thị	Thường		24/7/1962	Yên Bái	

II. Danh sách 05 trường hợp thuộc khu vực thi phía Nam nhưng có Đơn và được phép chuyển ra thi tại khu vực thi phía Bắc

STT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1.	Trương Nữ Trần	Chung		06/3/1985	Phú Yên	Xin chuyển địa điểm thi
2.	Lương Văn	Dy	06/11/1962		Tp. HCM	
3.	Phan Thị Thu	Hà		29/4/1973	Đắk Nông	
4.	Nguyễn Hữu	Khoa	10/6/1973		TP. HCM	
5.	Nguyễn Văn	Sơn	05/8/1959		Đồng Nai	



HỘI ĐỒNG KIỂM TRA



Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2022

**HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG ÔN TẬP
LIÊN QUAN ĐẾN KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ
CÔNG CHỨNG LẦN THỨ TƯ**

*(Kèm theo Công văn số 1.860./BTP-HĐKT ngày 08 tháng 6 năm 2022
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư)*

I. MỘT SỐ NỘI DUNG ÔN TẬP LIÊN QUAN ĐẾN KỶ KIỂM TRA

1. Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng, quy định pháp luật về công chứng, chứng thực, trong đó lưu ý các vấn đề sau:

- Nguyên tắc hành nghề công chứng; chức năng xã hội của công chứng viên; giá trị pháp lý của văn bản công chứng; các hành vi bị nghiêm cấm...
- Quan hệ của công chứng viên với người yêu cầu công chứng, với đồng nghiệp, tổ chức hành nghề công chứng, tổ chức xã hội – nghề nghiệp của công chứng viên...
- Tiêu chuẩn công chứng viên; quyền và nghĩa vụ của công chứng viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm công chứng viên...
- Thành lập tổ chức hành nghề công chứng; đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề công chứng...
- Đăng ký hành nghề công chứng; bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên; bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng...
- Thủ tục chung về công chứng hợp đồng, giao dịch; thủ tục công chứng một số hợp đồng, giao dịch; công chứng bản dịch; nhận lưu giữ di chúc; cấp bản sao văn bản công chứng.
- Phí công chứng, thù lao công chứng và chi phí khác.
- Các cơ quan quản lý nhà nước về công chứng và thẩm quyền của từng cơ quan.
- Xử lý vi phạm trong hoạt động công chứng; nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong hoạt động công chứng.
- Thẩm quyền, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công chứng viên trong thực hiện chứng thực; thời hạn chứng thực.
- Lưu trữ và khai thác hồ sơ công chứng.

2. Kỹ năng hành nghề công chứng, trong đó lưu ý các kỹ năng sau đây:

- Kỹ năng tiếp nhận, phân loại yêu cầu công chứng, kiểm tra tính xác thực, tính hợp pháp của các giấy tờ có trong hồ sơ yêu cầu công chứng; nhận dạng chủ thể, năng lực hành vi dân sự của người tham gia ký kết hợp đồng, giao dịch.
- Kỹ năng nghiên cứu và đề xuất hướng giải quyết hồ sơ yêu cầu công chứng.
- Kỹ năng ứng xử của công chứng viên theo Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng; giải thích lý do từ chối yêu cầu công chứng.
- Kỹ năng soạn thảo hợp đồng, giao dịch; kiểm tra tính hợp pháp của dự thảo hợp đồng, giao dịch do người yêu cầu công chứng soạn thảo sẵn; kỹ năng thực hiện xác minh các vấn đề liên quan đến hồ sơ yêu cầu công chứng.
- Kỹ năng công chứng bản dịch; chứng thực bản sao, chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản.
- Kỹ năng soạn thảo lời chứng hợp đồng, giao dịch (xử lý tình huống cụ thể).

II. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ GỢI Ý TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quy định pháp luật về dân sự, hôn nhân gia đình, đất đai/nhà ở/xây dựng, trong đó lưu ý:

- Quy định về quyền sở hữu tài sản: Nội dung quyền sở hữu, các hình thức sở hữu, xác lập/chấm dứt quyền sở hữu; quy định cách xác định chủ thể cơ bản theo pháp luật dân sự.
- Quy định về hợp đồng, giao dịch; chú ý một số loại hợp đồng thông dụng như hợp đồng mua bán tài sản/chuyển quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp tài sản, thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng ủy quyền, hợp đồng tặng cho tài sản, hợp đồng thuê tài sản...
- Quy định về đại diện, giám hộ: Người đại diện, giám hộ; người được đại diện, được giám hộ; phạm vi đại diện, giám hộ, quyền và nghĩa vụ của từng chủ thể (đại diện hoặc giám hộ).
- Quy định về chế độ tài sản vợ chồng: Tài sản chung - riêng của vợ chồng.
- Quy định về thừa kế: Thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật.
- Quy định về đất đai: Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; thời điểm được thực hiện quyền của người sử dụng đất; điều kiện của đất đai để được

tham gia giao dịch, điều kiện của các bên tham gia giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất; đăng ký quyền sử dụng đất.

- Quy định về nhà ở: Điều kiện được công nhận quyền sở hữu nhà ở; quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà ở; điều kiện của nhà ở để được tham gia giao dịch, điều kiện của các bên tham gia giao dịch về nhà ở; đăng ký quyền sở hữu nhà; thời điểm có hiệu lực của hợp đồng công chứng về nhà ở.

- Quy định về cách thức xác định thẩm quyền công chứng hợp đồng, giao dịch.

- Quy định chung về điều kiện (chủ thể và tài sản) để tham gia giao dịch bảo đảm và đăng ký giao dịch bảo đảm; các trường hợp phải đăng ký giao dịch bảo đảm.

2. Gợi ý tài liệu tham khảo

- Luật Công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị định số 29/2015/NĐ-CP, Thông tư số 04/2015/TT-BTP hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng, Thông tư số 01/2021/TT-BTP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng...).

- Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng.

- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Luật Nhà ở năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Luật Hộ tịch năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Luật Kinh doanh bất động sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Nghị định số 21/2021/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến công chứng, chứng thực, dân sự, đất đai, hôn nhân gia đình.... *sz*

(Các loại tài liệu được phép và không được phép mang vào phòng thi viết và vẫn đáp được thực hiện theo Nội quy kỳ kiểm tra ban hành kèm theo Quyết định số 518/QĐ-HĐKT ngày 02/4/2021 của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư)

HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

Số: 518 /QĐ-HĐKT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Nội quy kỳ kiểm tra
kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Căn cứ Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng;

Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-BTP ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 478/QĐ-BTP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư;

Xét đề nghị của các thành viên Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Nội quy kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư.

Điều 2. Nội quy kỳ kiểm tra ban hành theo Quyết định này được áp dụng trong quá trình tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng kiểm tra, thành viên Ban Thư ký, Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban Phách, Ban Chấm thi, Ban Phúc tra và các thí sinh tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư có trách nhiệm thi hành Quyết định này *đl*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Bộ trưởng (để b/c);
- STP các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để t/h);
- Hiệp hội công chứng viên Việt Nam (để p/h);
- Công thông tin Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, BTTP.

TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
CHỦ TỊCH



THỦ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
Phan Chí Hiếu



**NỘI QUY KỶ KIỂM TRA
KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG LẦN THỨ TƯ**

(Kèm theo Quyết định số 518 /QĐ-HĐKT ngày 02 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư)

Điều 1. Quy định đối với thí sinh tham dự kỳ kiểm tra

1. Có mặt tại phòng thi đúng giờ quy định.
2. Trang phục gọn gàng; thái độ văn minh, lịch sự, tôn trọng thành viên Hội đồng kiểm tra, Ban Giám sát, giám thị, giám khảo và các thí sinh khác.
3. Xuất trình Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu để giám thị phòng thi đối chiếu khi gọi vào phòng thi.
4. Ngồi đúng chỗ theo số báo danh; để các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này trên mặt bàn để giám thị phòng thi, Ban Giám sát và các thành viên Hội đồng kiểm tra kiểm tra khi cần thiết.
5. Chỉ được mang vào phòng thi bút viết, thước kẻ; không được mang vào phòng thi điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, máy tính bảng, máy quay phim và các phương tiện thu phát khác.
6. Tài liệu được phép và không được phép mang vào phòng thi:
 - 6.1. Đối với bài kiểm tra viết, thí sinh được mang vào phòng thi các văn bản quy phạm pháp luật (văn bản chỉ gồm nội dung các quy phạm pháp luật, không có nội dung bình luận, giải thích hoặc nội dung khác kèm theo); không được mang vào phòng thi các tài liệu sau đây:
 - a) Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng ban hành kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BTP ngày 30/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;
 - b) Các biểu mẫu, mẫu lời chứng ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 và Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;
 - c) Các mẫu hợp đồng, giao dịch;
 - d) Các loại biểu mẫu khác.

(Trường hợp thí sinh mang vào phòng thi những tài liệu, giáo trình, sách... có in cả tài liệu được phép và tài liệu không được phép mang vào

phòng thi thi thuộc trường hợp vi phạm nội quy kỳ kiểm tra và bị xử lý theo quy định).

6.2. Đối với bài kiểm tra vẫn đáp, thí sinh không được mang vào phòng thi bất kỳ loại tài liệu nào.

7. Chỉ được sử dụng loại giấy kiểm tra được phát để làm bài kiểm tra; phải ghi đầy đủ các mục quy định trong giấy kiểm tra tại phần dành cho thí sinh. Mỗi tờ giấy kiểm tra phải có đủ chữ ký của 02 giám thị phòng thi; bài kiểm tra không có đủ chữ ký của 02 giám thị phòng thi trên giấy kiểm tra bị coi là không hợp lệ.

8. Bài kiểm tra chỉ được viết bằng một loại mực có màu xanh hoặc màu đen; không được sử dụng hai màu mực trong một bài kiểm tra; không được sử dụng các loại mực màu khác, mực nhũ, mực phản quang, bút chì... để làm bài kiểm tra.

9. Trừ phần ghi bắt buộc trên trang phách của giấy kiểm tra, thí sinh không được ghi họ tên, số báo danh, chữ ký của thí sinh, không được gạch chân các tiêu đề hoặc có những biểu hiện đánh dấu bài khác trên giấy kiểm tra.

Đối với bài kiểm tra viết, thí sinh phải ghi rõ số báo danh của mình trên đề kiểm tra và giấy nháp ngay sau khi được phát; đối với bài kiểm tra vẫn đáp, thí sinh ghi rõ số báo danh và số đề kiểm tra trên giấy nháp ngay sau khi được phát giấy nháp.

10. Giữ trật tự, không được hút thuốc hoặc sử dụng các chất kích thích trong phòng thi.

11. Không được trao đổi với người khác trong thời gian kiểm tra; không được trao đổi giấy kiểm tra, giấy nháp; không được nhìn, chép bài kiểm tra của thí sinh khác, cho thí sinh khác nhìn, chép bài của mình hoặc có bất kỳ một hành động gian lận nào khác.

Nếu có vấn đề cần hỏi, phải giơ tay xin phép và hỏi công khai giám thị phòng thi.

12. Trường hợp cần viết lại hoặc viết sai, thí sinh dùng thước kẻ gạch giữa dòng chữ, không được dùng bút xoá trong bài kiểm tra.

13. Chỉ được nộp bài kiểm tra viết hoặc ra ngoài phòng thi viết sau hai phần ba thời gian làm bài và phải được sự đồng ý của giám thị phòng thi. Đối với bài kiểm tra vẫn đáp, thí sinh không được ra khỏi phòng thi khi chưa hoàn thành xong phần thi của mình.

Thí sinh ốm, đau bất thường phải báo cáo giám thị phòng thi và giám thị phòng thi phải báo ngay cho Trưởng Ban Coi thi xem xét, giải quyết.

14. Ngừng làm bài và nộp bài kiểm tra kèm theo đề kiểm tra và giấy nháp

cho giám thị phòng thi ngay sau khi giám thị phòng thi tuyên bố hết thời gian làm bài kiểm tra; phải ghi rõ số tờ, số trang của bài kiểm tra đã nộp và ký vào danh sách nộp bài kiểm tra. Đối với bài kiểm tra vấn đáp, thí sinh nộp đề kiểm tra và giấy nháp cho giám khảo hỏi thi ngay sau khi kết thúc phần kiểm tra vấn đáp của mình.

Trong trường hợp không làm được bài, thí sinh cũng phải nộp lại đề kiểm tra, giấy kiểm tra, giấy nháp đã được phát trước khi ra khỏi phòng thi.

Thí sinh không nộp lại đề kiểm tra, giấy nháp trước khi ra khỏi phòng thi (đối với cả bài kiểm tra viết và vấn đáp) bị coi là vi phạm nội quy kỳ kiểm tra và bị xử lý theo quy định.

Điều 2. Xử lý vi phạm đối với thí sinh

1. Hình thức khiển trách: Được áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- a) Ngồi không đúng chỗ ghi số báo danh của mình;
- b) Trao đổi với người khác và đã bị nhắc nhở 01 (một lần) nhưng vẫn không chấp hành;
- c) Mang vào phòng thi nhưng chưa sử dụng các thiết bị, phương tiện thông tin liên lạc và các tài liệu không được phép theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 1 của Quy chế này;
- d) Không nộp lại đề kiểm tra và giấy nháp đã được phát trước khi ra khỏi phòng thi.

Hình thức khiển trách do giám thị phòng thi lập biên bản và công bố công khai tại phòng thi. Thí sinh bị khiển trách ở bài kiểm tra nào sẽ bị trừ 20% kết quả điểm kiểm tra của bài kiểm tra đó.

2. Hình thức cảnh cáo: Được áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- a) Đã bị khiển trách nhưng vẫn tiếp tục vi phạm nội quy kỳ kiểm tra;
- b) Sử dụng tài liệu trong phòng thi (trừ những tài liệu được phép mang vào phòng thi);
- c) Trao đổi giấy nháp, đề kiểm tra, bài kiểm tra cho nhau;
- d) Chép bài của người khác;
- đ) Sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, máy tính bảng, máy quay phim và các phương tiện thông tin khác trong phòng thi.

Hình thức cảnh cáo do giám thị phòng thi lập biên bản, thu tang vật và

công bố công khai tại phòng thi. Thí sinh bị cảnh cáo ở bài kiểm tra nào thì sẽ bị trừ 40% kết quả điểm kiểm tra của bài kiểm tra đó.

3. Hình thức đình chỉ kiểm tra: Được áp dụng đối với thí sinh đã bị lập biên bản xử lý ở hình thức cảnh cáo nhưng vẫn cố tình vi phạm nội quy kỳ kiểm tra.

Hình thức đình chỉ kiểm tra do Trưởng Ban Coi thi quyết định và công bố công khai tại phòng thi. Thí sinh bị đình chỉ kiểm tra môn nào thì bài kiểm tra môn đó được chấm điểm 0 (không).

4. Hủy bỏ kết quả kiểm tra: Được áp dụng đối với thí sinh bị phát hiện đánh tráo bài kiểm tra, kiểm tra hộ hoặc đã bị xử lý kỷ luật ở bài kiểm tra trước mà vẫn cố tình vi phạm nội quy đến mức bị cảnh cáo ở bài kiểm tra sau vẫn cố tình vi phạm nội quy đến mức cảnh cáo.

5. Nếu thí sinh vi phạm ở mức độ nghiêm trọng, cố ý gây mất an toàn trong phòng thi thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Các trường hợp thí sinh vi phạm nội quy kỳ kiểm tra phải lập biên bản thì giám thị phòng thi và thí sinh vi phạm phải ký vào biên bản; trường hợp thí sinh vi phạm không chịu ký vào biên bản thì mời thí sinh bên cạnh chứng kiến và cùng ký vào biên bản. Sau khi lập biên bản và công bố công khai tại phòng thi, giám thị phòng thi phải báo cáo ngay với Trưởng Ban Coi thi.

7. Thí sinh có quyền tố giác những người vi phạm nội quy kỳ kiểm tra với giám thị, Trưởng Ban Coi thi hoặc thành viên Hội đồng kiểm tra.

Điều 3. Quy định đối với giám thị, giám khảo và những người có trách nhiệm khác trong kỳ kiểm tra

1. Phải có mặt tại địa điểm kiểm tra đúng giờ quy định; trang phục gọn gàng, thái độ văn minh, lịch sự.

2. Thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao và nội quy kỳ kiểm tra.

3. Giữ trật tự, không được hút thuốc, không được sử dụng điện thoại di động, máy ảnh, máy ghi âm, máy vi tính và các phương tiện thu phát khác trong phòng thi.

4. Không được trao đổi riêng với bất kỳ thí sinh nào trong thời gian thi.

Điều 4. Xử lý vi phạm đối với giám thị, giám khảo và những người có trách nhiệm khác trong kỳ kiểm tra

1. Giám thị, giám khảo và những người có trách nhiệm khác trong kỳ kiểm tra vi phạm các quy định tại Điều 3 của Nội quy này thì tùy theo mức độ vi phạm, Trưởng các Ban có liên quan của Hội đồng kiểm tra nhắc nhở hoặc đề nghị Chủ tịch Hội đồng kiểm tra đình chỉ nhiệm vụ.

2. Trường hợp giám thị, giám khảo và người có trách nhiệm khác trong kỳ kiểm tra có các hành vi làm lộ đề thi, chuyển đề thi ra ngoài, chuyển đáp án từ ngoài vào phòng thi... thì Chủ tịch Hội đồng kiểm tra đình chỉ nhiệm vụ của những người này; trường hợp vi phạm nghiêm trọng, gây ảnh hưởng đến kết quả kỳ kiểm tra thì bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức hoặc bị truy tố theo quy định của pháp luật. *du*

HỘI ĐỒNG KIỂM TRA